THÚC ĐẨY DU LỊCH XANH THÔNG QUA CÔNG NGHIỆP SÁNG TẠO: NGHIÊN CỨU THỰC NGHIỆM TẠI CÁC ĐIỂM ĐẾN DU LỊCH TẠI MIỀN TÂY, VIỆT NAM

TS. Lưu Hoàng Giang* - ThS. Cao Thị Thanh Trúc* -ThS. Trần Nhật Trường**

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, phát triển du lịch xanh tại Đồng bằng sông Cửu Long đã trở thành chiến lược cấp bách nhằm bảo tồn tài nguyên và đảm bảo kinh tế bền vững. Nghiên cứu này tập trung khám phá vai trò của công nghiệp sáng tạo trong việc thúc đẩy phát triển du lịch xanh tại khu vực thông qua nền tảng Lý thuyết Nguồn lực (RBV) và Lý thuyết Năng lực động. Tác giả đề xuất mô hình đánh giá tác động của hệ thống nguồn lực chiến lược (sinh thái, văn hóa bản địa, nhân lực sáng tạo, tri thức địa phương và thể chế) đến sự phát triển du lịch xanh. Trong đó, nguồn lực văn hóa bản địa ảnh hưởng mạnh nhất đến năng lực học hỏi (β=0,526), còn nguồn lực sinh thái là nhân tố thúc đẩy mạnh nhất năng lực đổi mới sáng tạo (β=0,556). Đặc biệt, năng lực đổi mới sáng tạo đóng vai trò then chốt nhất trong việc chuyển hóa các nguồn lực thành kết quả phát triển du lịch xanh bền vững (β=0,639).

• Từ khóa: *du lịch xanh, công nghiệp sáng tạo, phát triển bền vững, đồng bằng sông Cửu Long, năng lực đổi mới sáng tạo.*

In the context of climate change, the development of green tourism in the Mekong Delta has become an urgent strategy to preserve natural resources and ensure sustainable economic growth. This study aims to explore the role of the creative industry in promoting green tourism development in the region, grounded in the Resource-Based View (RBV) and Dynamic Capabilities Theory. The study proposes a model to examine the impact of strategic resource systems including ecological resources, indigenous cultural assets, creative human capital, local knowledge, and institutional factors on green tourism development. Among them, indigenous cultural resources have the strongest effect on learning capability (β = 0.526), while ecological resources exert the greatest impact on innovation capability (β = 0.556). Notably, tourism innovation capability plays the most critical role in transforming these resources into sustainable green tourism outcomes (β = 0.639).

• Key words: *green tourism, creative industries, sustainable development, Mekong Delta, innovation capacity.*

Ngày nhận bài: 31/3/2026
Ngày gửi phản biện: 20/5/2026
Ngày duyệt đăng: 03/6/2026

DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i314.58

1. Giới thiệu

Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu đang hướng đến phát triển bền vững trên mọi khía cạnh của nền kinh tế. Hiện nay, Phát triển du lịch xanh không chỉ nhằm hướng đến giảm thiểu các ảnh hưởng xấu đến môi trường mà còn đóng góp quan trọng trong việc duy trì đa dạng sinh học, giảm phát thải nhà kính, giảm hàm lượng CO_2 trong không khí là một trong những mục tiêu bền vững mà du lịch Việt Nam hướng đến trong năm 2030. Tại Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long (Miền Tây, Việt Nam), vùng đất được thiên nhiên ban tặng hệ sinh thái sông nước độc đáo và đa dạng cùng cảnh quan thiên nhiên phong phú góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển du lịch bền vững, như du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái. Trong năm 2024, doanh thu từ ngành du lịch đạt 62.200 tỷ đồng cao hơn năm 2022 gấp 2 lần, cho thấy hiện nay tiềm năng khai thác phát triển du lịch bền vững tại khu vực này còn rất lớn và triển vọng (Vietnam National Tourism Administration, 2024). Tuy vậy, hiện nay du lịch theo hướng bền vững tại khu vực này vẫn còn khá yếu, thiếu sự tích hợp trong việc kết hợp giữa các yếu tố môi trường với các hoạt động sáng tạo, dẫn đến những tác động xấu đối với môi trường vẫn còn đó. Đồng thời, các nghiên cứu về ứng dụng công nghiệp sáng tạo để thúc đẩy phát triển du lịch bền vững tại khu vực Miền Tây, Việt Nam còn rất hạn chế, các nghiên cứu chủ yếu hướng đến du lịch công đồng hoặc phát triển bền vững mang tính chung chung.. từ đó nhóm tác giả đã chọn đề tài "Thúc đẩy du lịch xanh thông qua công nghiệp sáng tạo: Nghiên cứu thực nghiệm tại các điểm đến du lịch tại Miền Tây, Việt Nam" để khai thác, nhằm góp phần vào hàm ý quản trị chính sách trong việc thúc đẩy phát

** Đại học Văn Hiến; email: gianglh@vhu.edu.vn; truccttt@vhu.edu.vn*
*** Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Đất Nước Việt; email: trannhattruong01041989@gmail.com*

triển du lịch xanh.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.1.1. Du lịch xanh và phát triển du lịch bền vững

Trong bối cảnh các chính sách toàn cầu đều hướng đến mục tiêu phát triển bền vững thì theo Uỷ ban Môi trường và Phát triển thế giới (WCED), phát triển bền vững là một hình thức đáp ứng các nhu cầu ở hiện tại mà không ảnh hưởng và làm tổn hại đến khả năng đáp ứng của thế hệ tương lai (Brundtland, 1987). Dựa trên khái niệm của tổ chức Môi trường và Phát triển thế giới về phát triển bền vững, phát triển vền vững trong du lịch là khả năng đáp ứng nhu cầu của du khách và các điểm đến du lịch xanh đồng thời góp phần tăng cường phát triển kinh tế - xã hội mà không làm ảnh hưởng xấu đến môi trường cũng như các di sản văn hoá bản địa cho tương lai (UNWTO & UNEP, 2005).

2.1.2. Lý thuyết nguồn lực và các nguồn lực sáng tạo trong phát triển du lịch

Lý thuyết nguồn lực (RBV), là một trong những lý thuyết trọng tâm và được sử dụng rộng rãi, đặc biệt là trong bối cảnh hướng đến phát triển bền vững hiện nay Barney, 1991). Lý thuyết này cho thấy nguồn lực nội tại là nguồn gốc góp phần tạo ra các lợi thế cạnh tranh chính với những đặc điểm như: Có giá trị, hiếm, khó sao chép, khó thay thế hay còn gọi là mô hình VRIN. Mô hình này tập trung phân tích các đặc điểm của tổ chức du lịch để hiểu được khả năng tạo ra giá trị bền vững của doanh nghiệp như thế nào ngoài những đặc điểm môi trường bên ngoài (Barney, 1991). Lý thuyết nguồn lực chia nguồn lực thành hai nhóm chính là nguồn lực có thể đo lường được (Bao gồm: Các tài nguyên tự nhiên, cơ sở hạ tầng du lịch, dịch vụ vật chất và các tài sản hữu hình khác) và nguồn lực vô hình (Bao gồm: Kiến thức, kỹ năng, tri thức sáng tạo, văn hoá bản địa, hình ảnh điểm đến và mối quan hệ giữa các bên liên quan), (Barney, 1991).

2.1.3. Lý thuyết năng lực động và đổi mới sáng tạo trong du lịch

Lý thuyết năng lực động được xây dựng bởi Teece, Pisano và Shuen vào năm 1997 được mở rộng dựa trên lý thuyết nguồn lực với mục đích giải quyết những hạn chế của RBV trong việc giải quyết vấn đề phát triển bền vững. Theo đó, năng lực động là khả năng tích hợp và xây dựng và tái cấu trúc các nguồn lực nội bộ và bên ngoài để thích ứng với những biến đổi của môi trường (Teece và cộng sự, 1977). Ngoài ra, năng lực động không chỉ giúp tổ chức thích ứng với những thay đổi mà còn góp phần trong việc tái cấu trúc lại nguồn lực góp phần tạo ra các giá trị bền vững mới trong dài hạn so với những lợi ích mang tính nhất thời (Eisenhardt và Martin, 2000).

2.1.4. Mối liên hệ giữa nguồn lực, đổi mới sáng tạo và phát triển du lịch xanh

Trong phát triển du lịch bền vững, nguồn lực và đổi mới sáng tạo được coi là một trong những nhân tố then chốt nhất ảnh hưởng đến kết quả phát triển bền vững. Sự tồn tại và chất lượng dịch vụ phụ thuộc rất lớn vào nguồn lực, đồng thời cũng ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của điểm đến, đây là điều kiện cần để xây dựng nền tảng cho quá trình đổi mới sáng tạo hướng đến phát triển du lịch bền vững (Santos và cộng sự, 2021). Các hoạt động đổi mới, từ sản phẩm du lịch xanh, ứng dụng công nghệ trong việc tổ chức và quản trị, đến thiết kế trải nghiệm đều dựa trên nguồn lực, vì thế có thể thấy đổi mới sáng tạo là yếu tố trung gian trong việc tận dụng nguồn lực để đi đến phát triển bền vững trong du lịch (Santos và cộng sự, 2021). Đồng thời, cầu nối này còn cho phép cảm nhận những cơ hội và thách thức từ những biến động bên ngoài, nắm bắt những cơ hội mới thông qua sáng tạo (Teece và cộng sự, 1997; Santos và cộng sự, 2021).

2.1.5. Mô hình nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu

Giả thuyết nghiên cứu

Hiện nay, lợi thế cạnh tranh của các doanh nghiệp nói chung dựa trên các giá trị khang hiếm cũng như khó bắt chước và ít bị thay thế (Barney, 1991). Theo Teece (2017), năng lực động và đặc biệt là năng lực học hỏi thích ứng với môi trường kinh doanh biến động góp phần giúp các doanh nghiệp tích hợp và chuyển hoá nguồn lực thành các lợi thế kinh doanh bền vững. Các nguồn lực về sinh thái cũng như văn hoá tại các điểm đến cần có những biện pháp khai thác một cách tối ưu và có trách nhiệm, để góp phần vào việc thích ứng với phát triển du lịch xanh theo hướng bền vững. Theo Cohen và Levinthal (1990), tri thức địa phương và thể chế đóng vai trò nền tảng trong việc tiếp thu và phát triển những nguồn lực hiện có.

Dựa trên lý thuyết cũng như các nghiên cứu trước tác giả đề xuất giả thuyết sau:

H1a: Nguồn lực sinh thái có tác động tích cực đến năng lực hấp thụ tri thức địa phương.

H1b: Nguồn lực văn hóa bản địa có tác động tích cực đến năng lực hấp thụ tri thức địa phương.

H1c: Nguồn lực nhân lực sáng tạo có tác động tích cực đến năng lực hấp thụ tri thức địa phương.

H1d: Nguồn lực tri thức địa phương có tác động tích cực đến năng lực hấp thụ tri thức địa phương.

H1e: Nguồn lực thể chế và chính sách hỗ trợ có tác động tích cực đến năng lực hấp thụ tri thức địa phương.

Dựa trên lý thuyết về đổi mới sáng tạo cũng như lý

thuyết về nguồn lực có thể thấy, đổi mới trong du lịch tại các địa phương hiện nay là việc khai thác các nguồn lực một cách tối ưu, không gây tác động và ảnh hưởng xấu đến môi trường. Hiện nay các sản phẩm được đổi mới sáng tạo đều dựa trên nguồn lực sinh thái và văn hoá bản địa là nền tảng chủ đạo (Richards, 2011). Điều này cho thấy rằng, mỗi địa phương với những đặc tính tài nguyên nhất định cũng như một nét văn hoá khác nhau sẽ góp phần tạo nên những sản phẩm du lịch khác nhau, góp phần tạo ra một bức tranh văn hoá đa màu sắc trên thị trường du lịch tại Việt Nam, để làm được điều đó thì năng lực tổ chức và nguồn lực con người đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc sáng tạo ra các giá trị mới dựa trên các nguồn lực hiện có (Hall và Williams, 2008).

Dựa trên lý thuyết cũng như các nghiên cứu trước tác giả đề xuất giả thuyết sau:

H2a: Nguồn lực sinh thái có tác động tích cực đến năng lực đổi mới sáng tạo du lịch.

H2b: Nguồn lực văn hóa bản địa có tác động tích cực đến năng lực đổi mới sáng tạo du lịch.

H2c: Nguồn lực nhân lực sáng tạo có tác động tích cực đến năng lực đổi mới sáng tạo du lịch.

H2d: Nguồn lực tri thức địa phương có tác động tích cực đến năng lực đổi mới sáng tạo du lịch.

H2e: Nguồn lực thể chế và chính sách hỗ trợ có tác động tích cực đến năng lực đổi mới sáng tạo du lịch.

Theo lý thuyết nguồn lực, chiến lược điểm đến là tạo ra các trải nghiệm mang tính khác biệt và đặc thù, khi các nguồn lực này mang tính sinh thái và giá trị văn hoá đặc thù thì chúng có khả năng tạo ra giá trị trải nghiệm xanh vượt trội (Barney, 1991). Đồng thời khi du khách cảm nhận được giá trị văn hoá cũng như tài nguyên được khai thác một cách tối ưu và có trách nhiệm, họ có xu hướng đánh giá cao giá trị về đạo đức môi trường, văn hoá góp phần trong việc nâng cao nhận thức của họ sau chuyến du lịch xanh (Chen và Chang, 2012). Và để đảm bảo du khách có được cảm nhận tối ưu thì việc có một thể chế quản lý một cách tối ưu và minh bạch là vô cùng quan trọng (Chen và Chang, 2012).

Dựa trên lý thuyết cũng như các nghiên cứu trước tác giả đề xuất giả thuyết sau:

H3a: Nguồn lực sinh thái có tác động tích cực đến giá trị trải nghiệm xanh cảm nhận.

H3b: Nguồn lực văn hóa bản địa có tác động tích cực đến giá trị trải nghiệm xanh cảm nhận.

H3c: Nguồn lực nhân lực sáng tạo có tác động tích cực đến giá trị trải nghiệm xanh cảm nhận.

H3d: Nguồn lực tri thức địa phương có tác động tích cực đến giá trị trải nghiệm xanh cảm nhận.

H3e: Nguồn lực thể chế và chính sách hỗ trợ có tác động tích cực đến giá trị trải nghiệm xanh cảm nhận.

Theo tổ chức Du Lịch thế giới (2013), phát triển du lịch xanh theo hướng bền vững phụ thuộc vào năng lực quản trị, đổi mới và sự ủng hộ của khách du lịch. Trong đó năng lực học hỏi giúp doanh nghiệp thích nghi với những thay đổi của môi trường kinh doanh đầy biến động (Teece, 2007). Đồng thời yếu tố về đổi mới sáng tạo sẽ giúp doanh nghiệp tạo ra lợi thế cạnh tranh và tạo ra lợi thế cạnh tranh trong dài hạn (Hajlager, 2010). Ngoài ra, để phát triển theo hướng bền vững lâu dài, thì trải nghiệm giá trị xanh của khách du lịch đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự trung thành và hành vi ủng hộ của du khách (Lee và Jan, 2018).

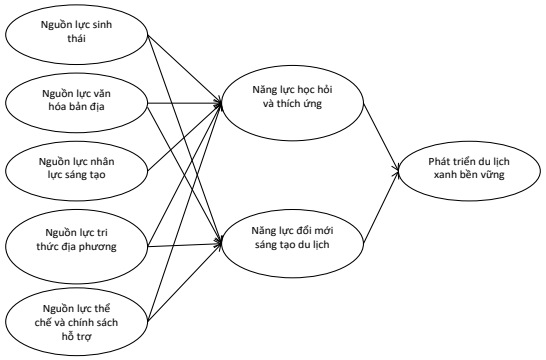
H4: Năng lực hấp thụ tri thức địa phương có tác động tích cực đến phát triển du lịch xanh bền vững.

H5: Năng lực đổi mới sáng tạo du lịch có tác động tích cực đến phát triển du lịch xanh bền vững.

H6: Giá trị trải nghiệm xanh cảm nhận có tác động tích cực đến phát triển du lịch xanh bền vững.

Mô hình nghiên cứu

Hình 2.1: Mô hình nghiên cứu đề xuất



Nguồn: Nhóm tác giả đề xuất

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu áp dụng phương pháp hỗn hợp, kết hợp định tính (tổng quan lý thuyết và phỏng vấn chuyên gia) để hiệu chỉnh mô hình và định lượng để kiểm định các giả thuyết. Các biến được đo lường bằng thang đo Likert 5 điểm. Sau khi khảo sát sơ bộ (n=50), khảo sát chính thức được thực hiện với các nhân viên tại các điểm đến du lịch Miền Tây, thu về 387 phiếu hợp lệ. Dữ liệu được phân tích bằng mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM) trên phần mềm SMART PLS và SPSS qua hai bước: đánh giá mô hình đo lường và kiểm định mô hình cấu trúc.

Dữ liệu từ 387 phiếu hợp lệ được phân tích mẫu khảo sát có cơ cấu giới tính cân bằng, chủ yếu là lao động trẻ (25-34 tuổi) với thu nhập trung bình (5-10 triệu đồng) và trình độ học vấn đa dạng. Nhìn chung,

người tham gia có nhận thức tích cực về du lịch xanh, dù vẫn còn khoảng 9,6% chưa tiếp cận khái niệm này, đòi hỏi cần tăng cường các hoạt động truyền thông trong tương lai.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Đánh giá mô hình

4.1.1. Phân tích độ tin cậy, độ tụ

Để đảm bảo độ phù hợp của mô hình, độ tin cậy tổng hợp (RA, CR) dao động từ 0,6-0,9 được xem là đạt yêu cầu, trong đó 0,7-0,9 là tối ưu; nếu vượt 0,95 có thể xảy ra trùng lặp biến (Nunnally & Bernstein, 1994). Đồng thời, phương sai trích trung bình (AVE) cần ≥ 0,5 để đảm bảo giá trị hội tụ (Hock & Ringle, 2010).

Bảng 1: Phân tích độ tin cậy và giá trị thang đo

Thang đo	CA	CR	AVE
Nguồn lực nhân lực sáng tạo (CHR)	0.881	0.893	0.678
Nguồn lực văn hoá bản địa (CR)	0.895	0.917	0.736
Nguồn lực sinh thái (ER)	0.895	0.923	0.750
Nguồn lực thể chế (INS)	0.930	0.946	0.815
Năng lực học hỏi và thích ứng (LAC)	0.859	0.878	0.651
Nguồn lực tri thức địa phương (LKR)	0.876	0.914	0.727
Phát triển du lịch xanh bền vững (SGTD)	0.842	0.891	0.672
Năng lực đổi mới sáng tạo du lịch (TIC)	0.859	0.895	0.682

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Thông qua kết quả phân tích, có thể thấy độ tin cậy tổng hợp (CA), (CR) và (AVE) đều nằm trong khoảng chấp nhận ở mức tin cậy cao.

4.2. Đánh giá mô hình cấu trúc

Bảng 2: Đánh giá hiện tượng đa cộng tuyến

	CHR	CR	ER	INS	LAC	LKR	SGTD	TIC
CHR					1.240			1.240
CR					1.453			1.453
ER					1.348			1.348
INS					1.295			1.295
LAC							1.584	
LKR					1.056			1.056
SGTD								
TIC							1.584	

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Theo hair và công sự (2022), hiên tượng đa cộng tiến sẽ xảy ra khi các biến độc lập trong mô hình có mối tương quan với nhau. Dựa trên bảng 2 ta có thể thây tất cả các biến tổng mô hình đều có hệ số VIF nhỏ hơn 3,3 điều này cho thấy các biến trong mô hình có mối tương quan thấp và không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến.

Bảng 3: Hệ số xác định của mô hình

Tên biến	R^2	R^2 hiệu chỉnh
Năng lực học hỏi và thích ứng (LAC)	0.614	0.609
Phát triển du lịch xanh bền vững (SGTD)	0.573	0.570
Năng lực đổi mới sáng tạo du lịch (TIC)	0.719	0.716

Nguồn: Tác giả tham khảo

Kết quả phân tích cho thấy mô hình có khả năng giải thích tốt khi R^2 hiệu chỉnh của các biến đều > 0,5. Cụ thể, năng lực học hỏi và thích ứng đạt 0,609 (giải thích 60,9%), năng lực đổi mới sáng tạo đạt 0,716 (giải thích 71,6%). Đối với biến phụ thuộc phát triển du lịch xanh bền vững, R^2 hiệu chỉnh đạt 0,570 và không chênh lệch nhiều so với R^2, cho thấy mô hình phù hợp và không bị phóng đại, với mức giải thích 57% biến thiên.

Bảng 4: Heterotrait-monotrait ratio (HTMT)

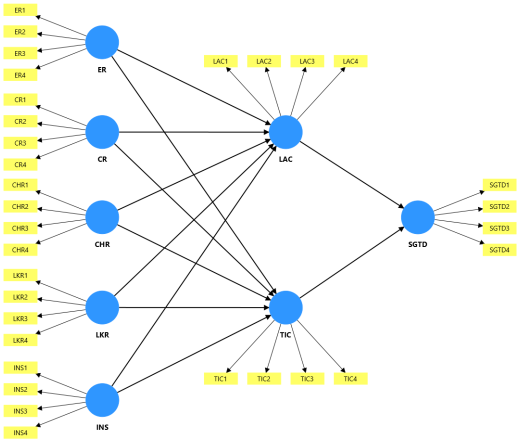
	CHR	CR	ER	INS	LAC	LKR	SGTD	TIC
CHR								
CR	0.371							
ER	0.420	0.466						
INS	0.212	0.487	0.354					
LAC	0.466	0.844	0.536	0.599				
LKR	0.222	0.187	0.177	0.162	0.293			
SGTD	0.790	0.588	0.628	0.427	0.662	0.388		
TIC	0.619	0.623	0.869	0.506	0.725	0.296	0.877	

Nguồn: Tác giả tham khảo

Kết quả cho thấy các giá trị HTMT dao động từ 0,162 đến 0,877, đều đạt yêu cầu. Mặc dù giá trị cao nhất giữa TIC và SGTD là 0,877, vẫn nằm trong giới hạn cho phép. Do đó, mô hình đảm bảo giá trị phân biệt, các biến đo lường những khái niệm khác nhau và đủ điều kiện để phân tích tiếp (Hair et al., 2021; Henseler et al., 2015).

4.3. Kiểm định giả thuyết nghiên cứu

Hình 1: Kết quả phân tích mô hình cấu trúc



Bảng 4: Kiểm định hệ số đường dẫn và hiệu ứng gián tiếp

Quan hệ tác động	β (O)	T - statistics	P values	Kết luận
CHR -> LAC	0.125	2.831	0.005	Chấp nhận
CHR -> TIC	0.236	6.332	0.000	Chấp nhận
CR -> LAC	0.526	11.164	0.000	Chấp nhận
CR -> TIC	0.154	4.021	0.000	Chấp nhận
ER -> LAC	0.127	2.784	0.005	Chấp nhận
ER -> TIC	0.556	15.155	0.000	Chấp nhận
INS -> LAC	0.201	4.510	0.000	Chấp nhận
INS -> TIC	0.140	4.146	0.000	Chấp nhận
LAC -> SGTD	0.173	3.162	0.002	Chấp nhận
LKR -> LAC	0.082	2.599	0.009	Chấp nhận
LKR -> TIC	0.079	2.990	0.003	Chấp nhận
TIC -> SGTD	0.639	12.712	0.000	Chấp nhận

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Kết quả trong Bảng 4 cho thấy các nguồn lực chiến lược đều có tác động tích cực đến hai biến trung gian là năng lực học hỏi địa phương (LAC) và năng lực đổi mới sáng tạo du lịch (TIC). Cụ thể, nguồn lực văn hóa bản địa (CR) có ảnh hưởng mạnh nhất đến LAC (β = 0.526; p < 0.001), trong khi nguồn lực sinh thái (ER)

có tác động mạnh nhất đến TIC (β = 0.556; p < 0.001). Đối với biến phụ thuộc, kết quả cho thấy năng lực đổi mới sáng tạo du lịch (TIC) có tác động mạnh nhất đến phát triển du lịch xanh bền vững (SGTD) (β = 0.639; p < 0.001), tiếp theo là năng lực học hỏi địa phương (LAC) (β = 0.173; p = 0.002). Nhìn chung, tất cả các giả thuyết nghiên cứu đều được chấp nhận.

4.4. Thảo luận kết quả nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu cho thấy nguồn lực văn hoá bản địa có ảnh hưởng mạnh nhất đến năng lực học hỏi của địa phương với (β = 0.526; p < 0.001), kết quả này nhấn mạnh văn hoá bản sắc luôn luôn được đề cao hàng đầu trong nhiều thập kỷ qua, các giá trị văn hoá đương thời giúp nhà du lịch có thể chia sẻ, tiếp thu cũng như phát triển và thích ứng trong bối cảnh mới. Kết quả này cũng hoàn toàn tương đồng với các nghiên cứu về du lịch bền vững trước đó như nghiên cứu của Richards (2011) và Cohen (2012). Trong đó ER có tác động mạnh nhất với (β = 0.556; p < 0.001), có thể thấy nguồn lực sinh thái không chỉ đóng vai trò quan trọng đối với phát triển các sản phẩm du lịch mà còn là nguồn cảm hứng chính trong quá trình phát triển du lịch, những điểm đến có hệ sinh thái tự nhiên và phong phú thường thu hút được lượng lớn khách du lịch. Kết quả này hoàn toàn phù hợp với các nghiên cứu trước đó khi cho rằng tài nguyên đóng vai trò quan trọng kích thích đổi mới sản phẩm du lịch (Hjalager, 2010).

Đồng thời nguồn nhân lực sáng tạo và tri thức bản địa cũng đóng vai trò vô cùng quan trọng đối với năng lực đổi mới sáng tạo. Điều này cho thấy nguồn nhân lực trẻ đóng vai trò vô cùng quan trọng đây là nguồn lực có khả năng vận dụng nhanh các thể chế cũng như khoa học công nghệ trong việc duy trì và phát triển du lịch xanh, sự kết hợp này góp phần tạo ra các ý tưởng mới và các sản phẩm mới điều này hoàn toàn phù hợp với lý thuyết năng lực động được vận dụng (Teece, 2007). Cuối cùng, kết quả nghiên cứu cho thấy năng lực đổi mới sáng tạo du lịch có tác động mạnh nhất đến phát triển du lịch xanh bền vững (β = 0.639; p < 0.001), tiếp theo là năng lực học hỏi địa phương (β = 0.173; p = 0.002).

5. Hàm ý nghiên cứu

5.1. Hàm ý học thuật

Nghiên cứu mở rộng cách tiếp cận của Lý thuyết nguồn lực khi chứng minh rằng các nguồn lực chiến lược của điểm đến như nguồn lực sinh thái, văn hóa bản địa, nhân lực sáng tạo, tri thức địa phương và thể chế không chỉ trực tiếp tạo ra lợi thế cạnh tranh mà còn đóng vai trò nền tảng hình thành các năng lực trung gian như năng lực học hỏi địa phương và năng lực đổi mới sáng tạo du lịch. Ngoài ra, nghiên cứu góp phần làm rõ vai trò của năng lực động trong bối cảnh phát triển du lịch bền vững. Kết quả thực nghiệm cho thấy năng lực học hỏi địa phương và năng lực đổi mới sáng tạo đóng vai trò cầu nối quan trọng giữa hệ thống nguồn lực và kết quả phát triển du lịch xanh bền vững.

5.2. Hàm ý quản trị

Từ các kết quả nghiên cứu, tác giả đưa ra một số hàm ý quản trị quan trọng đề xuất cho các nhà quản lý điểm đến và các doanh nghiệp du lịch nhằm thúc đẩy phát triển du lịch xanh bền vững.

Các nhà quản lý cần chú trọng bảo tồn và khai thác hiệu quả nguồn lực sinh thái, bởi kết quả nghiên cứu cho thấy yếu tố này có ảnh hưởng mạnh đến năng lực đổi mới sáng tạo du lịch. Việc bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên, phát triển các sản phẩm du lịch sinh thái và thúc đẩy các mô hình du lịch thân thiện môi trường sẽ tạo nền tảng cho các hoạt động đổi mới trong thiết kế trải nghiệm du lịch. Ngoài ra, các nhà quản lý nên khuyến khích sự tham gia của cộng đồng địa phương trong hoạt động du lịch, bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống và thúc đẩy chia sẻ tri thức bản địa để nâng cao năng lực phát triển sản phẩm du lịch đặc thù. Đồng thời, cần tăng cường phát triển nguồn nhân lực sáng tạo và tri thức địa phương trong ngành du lịch.

Kết luận: Thông qua nghiên cứu làm rõ vai trò của hệ thống nguồn lực chiến lược trong việc thúc đẩy phát triển du lịch xanh bền vững thông qua các năng lực trung gian của điểm đến. Kết quả phân tích thực nghiệm cho thấy các nguồn lực chiến lược bao gồm nguồn lực sinh thái, nguồn lực văn hóa bản địa, nguồn lực nhân lực sáng tạo, nguồn lực tri thức địa phương và nguồn lực thể chế đều có tác động tích cực đến năng lực học hỏi, thích ứng địa phương và năng lực đổi mới sáng tạo du lịch. Đồng thời, các năng lực này đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển du lịch xanh bền vững, trong đó năng lực đổi mới sáng tạo du lịch thể hiện ảnh hưởng mạnh nhất.

Tài liệu tham khảo:

Barney, J. (1991). Firm resources and sustained competitive advantage. Journal of Management.

Brundtland, G. H. (1987). Our Common Future. The World Commission on Environment and Development. Oxford University Press.

Chen, Y. S., & Chang, C. H. (2012). Enhance green purchase intentions. Management Decision, 50(3), 502-520.

Cohen, W. M., & Levinthal, D. A. (1990). Absorptive capacity. Administrative Science Quarterly, 35(1), 128-152.

Eisenhardt, K. M., & Martin, J. A. (2000). Dynamic capabilities: What are they? Strategic Management Journal.

Hair, et al. (2021). Evaluation of Reflective Measurement Models. In Partial Least Squares Structural Equation Modeling (PLS-SEM) Using R. Classroom Companion: Business (pp. 75-90). Springer.

Hall, C. M., & Williams, A. M. (2008). Tourism and innovation. Routledge.

Henseler, J., Ringle, C. M., & Sarstedt, M. (2015). A New Criterion for Assessing Discriminant Validity in Variance-Based Structural Equation Modeling. Journal of the Academy of Marketing Science, 43, 115-135.

Hjalager, A.-M. (2010). A review of innovation research in tourism. Tourism Management, 31(1), 1-12.

Hock, C., Ringle, C. M., and Sarstedt, M. (2010), Management of multi-purpose stadiums: Importance and performance measurement of service interfaces, International Journal of Services Technology and Management 14 (2/3), pp.188-207.

Lee, T. H. (2013). Influence analysis of community resident support for sustainable tourism development. Tourism Management, 34, 37-46.

Nunnally, J.C. and Bernstein, I.H. (1994) The Assessment of Reliability. Psychometric Theory, 3, 248-292.

Richards, G. (2011). Creativity and tourism: The state of the art. Annals of Tourism Research, 38(4), 1225-1253.

Santos, V., Sousa, M. J., Costa, C., & Au-Yong-Oliveira, M. (2021). Tourism towards Sustainability and Innovation: A Systematic Literature Review. Sustainability, 13(20), 11440.

Teece, D. J., Pisano, G., & Shuen, A. (1997). Dynamic capabilities and strategic management. Strategic Management Journal.

UNWTO & UNEP. (2005). Making Tourism More Sustainable.

UNWTO. (2020). Sustainable development of tourism.

Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch. (2019). Định nghĩa du lịch xanh và các ứng dụng trong phát triển bền vững.

Vietnam National Tourism Administration. (2024). Sustainable tourism development in the Mekong Delta.